

Các yếu tố	Vùng	ĐÔNG NAM BỘ	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
I. Vị trí và giới hạn:		- Tiếp giáp: Tây Nguyên; DH.Nam Trung Bộ; biển Đông; Campuchia.	Tiếp giáp: Đông Nam Bộ; biển Đông, vịnh Thái Lan và Campuchia
II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên: 1. Điều kiện tự nhiên:		Địa hình thoải, tương đối bằng phẳng. - Khí hậu: Cận xích đạo nóng ẩm quanh năm. - Sông ngòi: S. Đồng Nai, S Sài Gòn, S. Bé - Đất: Bazan, đất xám.	Địa hình thấp, bằng phẳng, - Khí hậu: Cận xích đạo nóng ẩm quanh năm. - Sông ngòi: mạng lưới sông ngòi dày đặc. - Đất phù sa.
2. Tài nguyên: a. Thuận lợi: b. Khó khăn		- Đất và khí hậu thuận lợi cho trồng cây CN lâu năm. - Biên âm, ngư trường rộng - Thềm lục địa rộng, nông, giàu khoáng sản (dầu khí). - Diện tích rừng tự nhiên thấp, ô nhiễm môi trường.	- Sinh vật đa dạng cả trên cạn và dưới nước. - Nhiều tài nguyên để phát triển nông nghiệp (đất, rừng, khí hậu, nước, biển và hải đảo). - Lũ lụt, hạn hán, đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn.
III. Dân cư – Xã hội - Dân số: - MĐDS: - Tỷ lệ DS đô thị: - Tỷ lệ người lớn biết chữ: - GDP: 1. Thuận lợi: 2. Khó khăn:		- 10.9 triệu người (2002) - 434 người/km ² - 55.5 % - 92.1% - 527.8 nghìn đồng - Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, mức sống cao nhất cả nước. - Thất nghiệp, thiếu việc làm, môi trường.	- 16.7 triệu người (2002) - 407 người/km ² - 17.1 % - 88.1% - 324.1 nghìn đồng - Người dân thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hóa. - Mật bằng dân trí chưa cao.
IV. Tình hình phát triển kinh tế: 1. Công nghiệp		- Chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP (59.3%). - CBTP, hàng tiêu dùng, điện tử, dầu khí, công nghệ cao.	- Chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP (20%). - Chế biến lương thực thực phẩm là thế mạnh (65%).
2. Nông nghiệp: a. Trồng trọt b. Chăn nuôi		- Vùng trồng cây CN quan trọng cả nước: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều - Gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.	- Vùng trọng điểm lúa của cả nước (51.4% sản lượng / cả nước); nhiều hoa quả. Nuôi trồng thủy sản, nuôi vịt đàn, trồng rừng ngập mặn.
3. Dịch vụ: a. Thương mại b. GTVT c. Du lịch		- Xuất khẩu dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng may mặc. - Phát triển nhiều loại hình. - Có nhiều di tích LS – VH.	- Xuất khẩu gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả. - Vận tải thủy là chủ yếu. - Sinh thái; di tích LS – VH.
V. Các Trung tâm		- Thành phố Hồ Chí Minh; Biên	- Cần Thơ; Mỹ Tho; Long Xuyên;

kinh tế:	Hòa; Vũng Tàu	Cà Mau.
-----------------	---------------	---------

Câu 1: Bảng 37.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT THỦY SẢN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002

(Đơn vị: nghìn tấn)

Sản lượng/ Vùng	Đồng bằng SCL	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Cá biển khai thác	493,8	54,8	1189,6
Cá nuôi	283,9	110,9	486,4
Tôm nuôi	142,9	7,3	186,2

Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng so với cả nước (cả nước = 100%).

Câu 2. Căn cứ vào biểu đồ bài tập 1 và các bài 35,36 hãy cho biết:

- a. Đồng bằng sông Cửu Long có những thế mạnh gì để phát triển ngành thủy sản ? (về điều kiện tự nhiên, nguồn lao động, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ,...)
- b. Tại sao đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh đặc biệt trong nghề nuôi tôm xuất khẩu?
- c. Những khó khăn hiện nay trong phát triển ngành thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long. Nêu một số biện pháp khắc phục.